

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN
KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG
Số: /2026/HĐ – KSTK
Ngày: / /2026

CÔNG TRÌNH:

Giữa

KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III

và

.....

Năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Dẫn giải

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Trao đổi thông tin

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 10. Loại hợp đồng, giá hợp đồng và thanh toán

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 17. Bảo hiểm

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng.

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 24. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

Điều 25. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 175/2024/NĐ-CP	Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng 5 năm 2026 tại Khu Quản lý đường bộ III, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

Tên giao dịch : **KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III**

Đại diện là : Ông **Nguyễn Phương Nam** Chức vụ: **Phó Giám đốc.**

(Theo Quyết định số 337/QĐ-KQLĐBIII ngày 17/4/2026 của Khu QLĐBIII về việc phân công nhiệm vụ Lãnh đạo Khu QLĐBIII)

Địa chỉ : 16 Lý Tự Trọng , phường Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Tài khoản : 9527.1.1119349 tại Kho bạc Nhà nước khu vực XIII – Phòng Kế toán Nhà nước.

Mã số thuế : 0400261327

Mã ĐVQHNS : 1119349

Điện thoại : 0236.3821 854; Fax: 0236.3822 064.

Và bên kia là:

2. Nhà thầu tư vấn:

Tên giao dịch :

Đại diện là : Chức vụ: **Giám đốc.**

Địa chỉ :

Tài khoản :

Mã số thuế :

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....

Điện thoại : Fax:

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc dự ánnhư sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Luật: Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư, theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, Sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 337/QĐ-KQLĐBIII ngày 17/4/2026 của Khu QLĐBIII về việc phân công nhiệm vụ Lãnh đạo Khu QLĐBIII;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-CĐBVN ngày 07/05/2026 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa bổ sung cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-KQLĐBIII ngày 08/5/2026 của Khu Quản lý đường bộ III về việc Phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện các dự án thuộc Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ bổ sung năm 2026;

Các Quyết định liên quan.....

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III.

2. Nhà thầu tư vấn là
3. Dự án là dự án
4. Công trình là
5. Gói thầu là
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
10. HSMT (hoặc HSYC) của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định của Chủ đầu tư].
11. HSDT (hoặc HSDX) của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu theo quy định của Nhà thầu tư vấn.
12. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu tư vấn có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT (hoặc HSYC).
13. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
14. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
15. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
16. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng hỗn hợp. Trong đó: Khảo sát: đơn giá cố định. - phần lập BCKTKT: Trọn gói.

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
 - d) HSMT hoặc HSYC (nếu có) của Chủ đầu tư;
 - đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
 - e) HSDT hoặc HSDX (nếu có) của Nhà thầu tư vấn;
 - g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - h) Các phụ lục của hợp đồng;
 - i) Các tài liệu khác có liên quan.
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo

thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng: Không thực hiện.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu tư vấn bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.

c) Khảo sát hiện trường.

d) Xây dựng lưới khống chế, đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình.

đ) Đo vẽ hệ thống công trình kỹ thuật ngầm.

e) Lập lưới khống chế trắc địa các công trình dạng tuyến.

g) Đo vẽ thủy văn, địa chất công trình, địa chất thủy văn.

h) Nghiên cứu địa vật lý.

i) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.

k) Quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chất, địa chất thủy văn.

l) Thực hiện đo vẽ hiện trạng công trình.

m) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

n) Các công việc khảo sát xây dựng khác.

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đã được Chủ đầu tư phê duyệt trực tiếp hoặc kèm văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát của Chủ đầu tư; kèm theo Quyết định phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát, Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát của Chủ đầu tư;

b) Các bản đồ địa hình, bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn, bản vẽ hiện trạng công trình xây dựng, các mặt cắt địa hình, mặt cắt địa chất, sơ đồ mở vật liệu, hình ảnh tình trạng hư hỏng..v.v..phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ và

phương án kỹ thuật khảo sát đã được chủ đầu tư phê duyệt;.

c) Các văn bản tài liệu có liên quan khác (nếu có).

Điều 8. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Nghiên cứu nhiệm vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

b) Nghiên cứu hồ sơ tài liệu đã có liên quan đến lập báo cáo kinh tế kỹ thuật của hợp đồng.

c) Khảo sát địa điểm dự án, điều tra, nghiên cứu thị trường, thu thập số liệu về tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường phục vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

d) Lập thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại các Điều 78, 79 và 80 của Luật Xây dựng 50/2014/QH13 năm 2014; Khoản 23 điều 1 của Luật xây dựng 62/2020/QH14 sửa đổi bổ sung năm 2020;

e/ Lập Dự toán xây dựng công trình theo hướng dẫn tại mục 1 phụ lục số II Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

f) Sửa đổi, hoàn thiện báo cáo kinh tế kỹ thuật sau khi có ý kiến của cơ quan thẩm định (nếu có).

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng bao gồm:

a) Thiết kế bản vẽ thi công có nội dung theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP kèm theo Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, Biên bản nghiệm thu thiết kế của Chủ đầu tư; Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và các văn bản, tài liệu khác có liên quan;

b) Các nội dung khác của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trong đó bao gồm - Thuyết minh báo cáo kinh tế - kỹ thuật, bao gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 2 – Điều 55 – Luật xây dựng số 50/2014/QH13; chỉ dẫn kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; yêu cầu về thiết bị thi công (gồm chủng loại, công suất, số lượng của các loại thiết bị cần huy động cho công trình phù hợp với biện pháp tổ chức thi công chỉ đạo do nhà thầu thiết kế lập); sơ đồ tổ chức thi công và đảm bảo giao thông); bảng tiến độ thi công tổng thể (cho toàn bộ công trình hoặc cho từng gói thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư) và các tài liệu pháp lý khác có liên quan ...

Điều 9. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn:

- Nhà thầu tư vấn giao nộp cho Chủ đầu tư sản phẩm tư vấn theo quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng này đáp ứng yêu cầu chất lượng đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

- Quy cách hồ sơ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ dự toán phải tuân thủ theo quy định tại Điều 37 - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Yêu cầu về số lượng sản phẩm tư vấn phải giao nộp cho Chủ đầu tư gồm:

- a) Hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát: 03 bộ;
- b) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công: 07 bộ;
- c) Hồ sơ dự toán xây dựng và các hồ sơ khác của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng: 03 bộ.

d) 01 USB lưu tập tin các hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng này (Scan hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát, Thiết kế, Tổng mức đầu tư thành tập tin *.PDF, tập tin hình ảnh *.JPEG và các tập tin thuyết minh, bản vẽ, bảng tính của phần mềm: MS Word, MS Excel, Autocad...);

e) Trong trường hợp cần bổ sung số lượng sản phẩm tư vấn theo yêu cầu của Chủ đầu tư, của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan chức năng thì Nhà thầu tư vấn thực hiện giao nộp bổ sung số lượng hồ sơ mà không được thanh toán chi phí.

Điều 10. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng đã ký kết giữa các bên.
2. Hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng; hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (gồm Thuyết minh BCKTKT, Thiết kế và dự toán).
3. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng và Nhiệm vụ thiết kế (lập BCKTKT) được Chủ đầu tư phê duyệt.
4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho công trình.

Điều 11. Giá hợp đồng:

1. Giá hợp đồng
 - a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: đồng (Đã bao gồm thuế VAT 8%)

(Bằng chữ:..... nghìn đồng).

- + Chi phí khảo sát : đồng.
- + Chi phí lập báo cáo KTKT : đồng.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và toàn bộ các chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện công việc theo Hợp đồng.

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo khoản 1 Điều 12 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng:

- Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát, lập BCKTKT đầu tư xây dựng công trình bao gồm:

+ Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế

tính trước và thuế giá trị gia tăng.

+ Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

+ Chi phí đi thực địa.

+ Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

+ Chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

+ Chi phí khác có liên quan.

- Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

+ Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

+ Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 12. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng:

a) Việc điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

b) Giá hợp đồng sau điều chỉnh (bao gồm cả khối lượng công việc phát sinh hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký) không vượt giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt thì Chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh; trường hợp vượt giá gói thầu hoặc dự toán của gói thầu đã được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận trước khi điều chỉnh.

2. Các nội dung điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng:

2.1. Điều chỉnh giá hợp đồng:

a) Chi phí khảo sát điều chỉnh:

- Về khối lượng: lấy giá trị khối lượng thấp hơn “MIN” giữa khối lượng được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung (nếu có) và khối lượng được nghiệm thu;

- Về đơn giá

+ Trường hợp khối lượng phát sinh tăng chưa có đơn giá trong Bảng giá hợp đồng thì lập đơn giá mới theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại thời điểm điều chỉnh.

+ Trường hợp khối lượng phát sinh tăng hoặc giảm có đơn giá trong Bảng giá hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong Bảng giá hợp đồng đã ký.

b) Chi phí lập BCKTKT điều chỉnh:

- Chi phí lập BCKTKT điều chỉnh được xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại thời điểm điều chỉnh;

- Không điều chỉnh chi phí lập BCKTKT trong quá trình thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở;

2.2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1

Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2.3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn:

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

- Trường hợp không bảo đảm hoàn thành các công việc tư vấn đúng tiến độ so với tiến độ đã ký trong Hợp đồng do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu Nhà thầu đã thực hiện giải pháp khắc phục mà tiến độ thực hiện hợp đồng vẫn bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì trước khi hết thời hạn hợp đồng ít nhất **02 ngày làm việc** Nhà thầu phải có văn bản kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và có cam kết hoàn thành hợp đồng đúng thời gian kiến nghị gia hạn. Chủ đầu tư sẽ xem xét và quyết định việc cho gia hạn hoặc không cho gia hạn đối với kiến nghị của Nhà thầu. Trong mọi trường hợp Nhà thầu đều phải hoàn thành hợp đồng đã ký bằng chi phí của mình, kể cả chi phí phát sinh do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng.

2.4. Điều chỉnh các nội dung khác của hợp đồng: Hai bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật có liên quan.

2.5. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: Việc điều chỉnh khối lượng công việc giữa các thành viên trong liên danh nhà thầu không làm thay đổi giá hợp đồng xây dựng thì chủ đầu tư quyết định trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất của các thành viên liên danh và năng lực, kinh nghiệm.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

- a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.
- b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Thực hiện giám sát tác giả:

+ Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện bước lập thiết kế bản vẽ thi công thi công;

+ Phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, các nội dung cần điều chỉnh ở bước lập thiết kế bản vẽ thi công thi công theo yêu cầu của chủ đầu tư;

+ Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc nhà thầu thực hiện bước lập thiết kế bản vẽ thi công thiết kế chưa phù hợp về giải pháp sửa chữa so với thực tế hư hỏng;

+ Nhà thầu lập Báo cáo KTKT ĐTXD chịu trách nhiệm về chất lượng công trình đối với phần công việc do mình thực hiện kể cả khi bước lập thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm

quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

p) Đề xuất, bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến giải pháp thiết kế.

q) Chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát xây dựng và chất lượng khảo sát do mình thực hiện; chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng khảo sát của nhà thầu phụ (nếu có) và kết quả khảo sát của nhà thầu phụ.

r) Không được chỉ định nhà sản xuất cung cấp vật liệu, vật tư và thiết bị xây dựng trong nội dung thiết kế xây dựng của công trình.

s) Bồi thường thiệt hại khi đề ra nhiệm vụ khảo sát, sử dụng thông tin, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

t) Tham gia thống kê hư hỏng, lập hồ sơ khắc phục hư hỏng của gói thầu xây dựng trong thời gian bảo hành khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

u). Nhà thầu lập Báo cáo KTKT chịu trách nhiệm về chất lượng công trình đối với phần công việc do mình thực hiện kể cả khi bước lập thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

v) Thực hiện các yêu cầu hợp lý, hợp pháp khác của Chủ đầu tư (nếu có).

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

e) Lựa chọn nhà thầu thiết kế khác thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi thiết kế trong trường hợp nhà thầu thiết kế (Bên B) từ chối thực hiện các công việc này.

f) Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT (hoặc HSYC); tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

i) Phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát, Phương án kỹ thuật khảo sát và Nhiệm vụ thiết kế của công trình và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các công tác trên (nếu có).

j) Nghiệm thu, phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng do Bên nhận thầu lập khi đáp ứng đủ các yêu cầu của hợp đồng.

k) Trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư thẩm định, phê duyệt BCKTKT khi đủ điều kiện;

l) Nộp phí thẩm định BCKTKT cho cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể hai bên thống nhất bố trí nhân sự chủ chốt thực hiện gói thầu:

TT	Họ và tên	Bằng cấp chuyên môn	Giấy phép hành nghề	Chức danh

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

6. Máy móc, thiết bị, công nghệ huy động thực hiện gói thầu:

TT	Tên máy móc, thiết bị, công nghệ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện

và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự, quy định tại Khoản 3 Điều 70 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng trong vòng 24h và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 02 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

b) Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 02 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

7. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do nhà thầu phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được chủ đầu tư xem xét để thanh toán.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư:

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không thực hiện một trong các nhiệm vụ quy định tại Điều 12 của Hợp đồng [quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn].

b) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 10 và Điều 22 của Hợp đồng hoặc 05 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23 [khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

ê) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

3. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

4. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Hình thức hợp đồng, giá hợp đồng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP. Trong vòng **30 ngày** kể từ ngày hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà thầu trình Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 điều này.

b) Sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc của Hợp đồng, bao gồm các công việc phát sinh thuộc trách nhiệm Nhà thầu phải giải quyết theo quy định trong Hợp đồng hoặc trong Phụ lục điều chỉnh, bổ sung, dự án có QĐ Phê duyệt BCKTKT, Biên bản nghiệm thu công tác khảo sát, lập BCKTKT, giao nộp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ quyết toán cho nhà thầu, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán theo quy định Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công (Mẫu số 03.a/TT);

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B) theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công (Mẫu số 03.c/QT);

- Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu (nếu có).

Chủ đầu tư sẽ thanh toán chi phí thực hiện hợp đồng cho nhà thầu khi có kế hoạch vốn của Cục Đường bộ Việt Nam bố trí và phù hợp với tiến độ giải ngân cho công trình. Nhà thầu sẽ không được tính lãi trong trường hợp phải bỏ vốn trước để thực hiện công trình hoặc khi Chủ đầu tư thanh toán chậm.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Trường hợp quá 60 ngày kể từ ngày hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Chủ đầu tư có văn bản cá biệt đề nghị nhà thầu trình hồ sơ quyết toán hợp đồng theo chỉ đạo tiến độ quyết toán của Cục Đường bộ Việt Nam mà nhà thầu không trình cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng thì xem như nhà thầu từ chối thanh toán hợp đồng và Chủ đầu tư không có trách nhiệm thanh toán và bố trí vốn để thanh toán cho nhà thầu theo thỏa thuận của hợp đồng.

2. Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được tự thanh lý sau khi có Biên bản nghiệm thu hết thời hạn bảo hành công trình và hai bên hoàn thành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng hoặc trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Điều 20 của Hợp đồng.

3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm với Nhà thầu các vấn đề liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

4. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: việc thanh toán, quyết toán hợp đồng cho các thành viên liên danh được thực hiện theo Thỏa thuận liên danh được ký kết.

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành cụ thể như sau:

Nghiệm thu Báo cáo kết quả khảo sát: Sau khi Nhà thầu hoàn thành hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra, nghiệm thu Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 34 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Trường hợp Chủ đầu tư phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát bổ sung thì hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung cũng được Chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu theo quy định trên.

Nghiệm thu thiết kế: Sau khi hồ sơ Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng được Chủ đầu tư trình thẩm định, Chủ đầu tư sẽ thông báo chấp thuận nghiệm thu hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công bằng văn bản đến Nhà thầu tư vấn thiết kế để làm cơ sở chuẩn bị ký Biên bản nghiệm thu thiết kế và thanh quyết toán hợp đồng. Biên bản nghiệm thu Thiết kế bản vẽ thi công sẽ được ký sau khi hồ sơ BCKTKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nhà thầu Tư vấn thiết kế hoàn thiện theo quyết định duyệt và nộp hồ sơ cho Chủ đầu tư theo quy định của Hợp đồng. Trường hợp có điều chỉnh, bổ sung hồ sơ

Thiết kế bản vẽ thi công và hồ sơ dự toán theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và hồ sơ dự toán điều chỉnh, bổ sung phải được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và được Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán theo phụ lục hợp đồng được ký giữa hai bên.

Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 23. Thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

2. Thời gian thực hiện gói thầu: ngày, kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày hồ sơ BCKTKT được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án (không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát; phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và thời gian thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư; thời gian nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước; thời gian tạm dừng thực hiện Hợp đồng do yêu cầu của chủ đầu tư và các trường hợp bất khả kháng như mưa bão, dịch bệnh,...). Thời gian thực hiện gói thầu của Tư vấn thiết kế được đánh giá trong Biên bản nghiệm thu thiết kế.

Khi phát sinh các trường hợp khách quan, bất khả kháng dẫn đến phải kéo dài thời gian thực hiện gói thầu của Nhà thầu hoặc thời gian thẩm định của Chủ đầu tư bị kéo dài vì lý do khách quan thì nhà thầu tư vấn báo cáo, đề nghị Chủ đầu tư điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu cần thiết) theo quy định làm cơ sở điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định.

- Giao nộp hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát, hồ sơ BCKTKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt: trong vòng **07 ngày**, kể từ ngày cấp có thẩm quyền ký quyết định phê duyệt Dự án;

- Giám sát tác giá: Từ khi gói thầu xây lắp thuộc công trình bắt đầu triển khai thi công đến khi được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: không áp dụng

2. Tiến độ thanh toán:

Sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc của Hợp đồng, bao gồm các công việc phát sinh thuộc trách nhiệm Nhà thầu phải giải quyết theo quy định trong Hợp đồng hoặc trong Phụ lục điều chỉnh, bổ sung, dự án có Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Biên bản nghiệm thu công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, giao nộp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ quyết toán cho nhà thầu.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán chi phí thực hiện hợp đồng cho nhà thầu khi có kế hoạch vốn của Cục Đường bộ Việt Nam bố trí và phù hợp với tiến độ giải ngân cho công trình. Khi hoàn thành hồ sơ quyết toán, Chủ đầu tư sẽ tiến hành chuyển tiền thanh toán thành 2 đợt (đợt 1 thanh toán 80% giá trị quyết toán; 20% giá trị quyết toán còn lại sẽ được chuyển sau khi có biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng). Nhà thầu sẽ không được tính lãi trong trường hợp phải bỏ vốn trước để thực hiện công trình hoặc khi Chủ đầu tư thanh toán chậm.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành theo hợp đồng.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán theo quy định Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công (Mẫu số 03.a/TT);

- Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu (nếu có).

4. Đồng tiền thanh toán: Là đồng tiền Việt Nam.

5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ có

gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm Hợp đồng:

- Nếu Nhà thầu vi phạm về chất lượng sản phẩm tư vấn sẽ bị xử phạt kinh tế tùy theo mức độ vi phạm, cụ thể như sau:

+ Trường hợp do lỗi trong công tác khảo sát dẫn đến đề xuất giải pháp thiết kế không phù hợp với thực tế hiện trường phải điều chỉnh phương án đã được duyệt thì bị xử phạt 10% phần giá trị hợp đồng vi phạm¹.

+ Trường hợp do sai sót lỗi số học trong quá trình tính toán khối lượng, dự toán dẫn đến sai lệch và phải điều chỉnh dự toán xây dựng đã duyệt thì phạt 5% phần giá trị hợp đồng vi phạm².

+ Trường hợp hồ sơ thiết kế vi phạm chất lượng, ngoài việc xử phạt kinh tế như đã nêu trên thì tùy mức độ và tính chất vi phạm, Chủ đầu tư sẽ có văn bản phê bình hoặc cảnh cáo đối với vi phạm thuộc trách nhiệm từng cá nhân nhân sự chủ chốt.

+ Trường hợp sai phạm được đánh giá là nghiêm trọng, Chủ đầu tư sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét để xử lý cá nhân nhân sự chủ chốt hoặc cấm Tổ chức Tư vấn tham gia thực hiện các công trình do Khu Quản lý đường bộ III làm chủ đầu tư và thông báo rộng rãi trên mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

- Nếu Nhà thầu vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 21 và khoản 2 Điều 23 của Hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bị xử phạt 1% phần giá trị hợp đồng vi phạm cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng vi phạm³.

2. Bồi thường thiệt hại:

Nếu nhà thầu vi phạm hợp đồng gây ra các tổn thất, thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ ba (nếu có) thì nhà thầu có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. Trong đó, có nội dung cụ thể như sau:

- Chủ đầu tư có cơ sở xác định trường hợp Nhà thầu thi công vi phạm hợp đồng về chất lượng dẫn đến phải tháo dỡ và làm lại do lỗi của Tư vấn thiết kế thì mức bồi thường thiệt hại của Tư vấn thiết kế được xác định bằng tỷ lệ % giữa giá trị hợp đồng

¹ Phần giá trị Hợp đồng vi phạm này được xác định bằng giá trị dự toán xây dựng của hạng mục công việc phải điều chỉnh phương án

² Phần giá trị Hợp đồng vi phạm này được xác định bằng giá trị chênh lệch của dự toán xây dựng trước và sau khi điều chỉnh

³ Phần giá trị Hợp đồng vi phạm này được xác định bằng giá trị quyết toán hợp đồng

Tư vấn thiết kế và giá trị Hợp đồng gói thầu xây lắp nhân (x) với giá trị khối lượng hạng mục phải tháo dỡ và làm lại.

- Chủ đầu tư có cơ sở xác định do lỗi của Tư vấn thiết kế trong công tác khảo sát, thiết kế, sai sót lỗi số học trong quá trình tính toán khối lượng, dự toán gây ra thất thoát, lãng phí hoặc thiệt hại kinh tế cho Nhà nước, Chủ đầu tư và bên thứ ba (nếu có) thì ngoài việc xử phạt vi phạm hợp đồng về chất lượng quy định tại khoản 1 Điều này, Tư vấn thiết kế có trách nhiệm đền bù thất thoát, lãng phí cho Nhà nước, Chủ đầu tư, bồi thường giá trị thiệt hại gây ra cho các bên theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài ra, việc Nhà thầu không hoàn thành trách nhiệm giám sát tác giả theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định trong hợp đồng để xảy ra thi công sai với thiết kế được duyệt khi nghiệm thu công trình xây dựng hoặc đưa công trình vào sử dụng thì Nhà thầu: (i) liên đới bồi thường thiệt hại kinh tế do lỗi giám sát tác giả gây ra; (ii) xử lý theo quy định của Pháp luật (nếu có); (iii) là cơ sở đánh giá năng lực, kinh nghiệm, uy tín của Nhà thầu.

4. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: điều khoản Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại được áp dụng đối với từng thành viên liên danh tương ứng với phần việc đảm nhận của từng thành viên liên danh theo Thỏa thuận liên danh được ký kết.

Điều 25. Điều khoản chung

1. Hợp đồng khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trìnhcó hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản và điều kiện đã quy định trong Hợp đồng.

3. Hợp đồng này được lập thành 09 bản có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 05 bản, Nhà thầu giữ 03 bản, Kho bạc nhà nước khu vực XIII – Phòng Kế toán Nhà nước 01 bản.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ